

# NHU CẦU ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN Ở CÁC VÙNG SAU 2010 và định hướng giải pháp

• PGS.TS NGUYỄN VĂN ĐÀN  
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Nền kinh tế nhiều thành phần theo cơ chế thị trường đã mở ra một thị trường lao động mới, đòi hỏi người lao động phải được đào tạo tinh thông nghề nghiệp, tiếp cận được với khoa học, phương tiện kĩ thuật mới. Chất lượng đào tạo liên quan đến nhiều yếu tố. Yếu tố có liên quan trực tiếp đến các trường, các khoa sư phạm là đào tạo đội ngũ giáo viên, cán bộ giảng dạy. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề đào tạo đội ngũ giáo viên ở các vùng đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông trong thời kì hội nhập.

**1. Vài nét sơ bộ về sự phát triển quy mô giáo dục trong 5 năm qua**

*So sánh năm học 2005 - 2006 với năm học 2001 - 2002*

Do chính sách dân số có hiệu quả dẫn đến số lượng học sinh tiểu học năm học 2005 - 2006 đã giảm 21,4% so với năm học 2001-2002. Số lớp giảm 12,2%. Nhờ vậy tỉ lệ giáo viên đã đạt được 1,28 GV/lớp. Nếu học 2 buổi ngày thì bình quân mỗi lớp cần 1,5 giáo viên. Khi đó 276.624 lớp tiểu học sẽ cần 414.936 giáo viên. Năm 2005-2006 mới có 353.608 giáo viên, sẽ thiếu 61.328 giáo viên. Nếu tính trung bình mỗi giáo viên nữ làm việc 33 năm, giáo viên nam làm việc 38 năm, thì trung bình mỗi năm sẽ có khoảng 10400 giáo viên tiểu học nghỉ hưu. Như vậy ngoài việc các trường sư phạm hàng năm phải đào tạo khoảng 10.400 giáo viên bù vào số nghỉ hưu, còn cần phải đào tạo thêm khoảng 61.300 giáo viên để đạt tỉ lệ 1,5 GV/lớp.

Bậc học	Tổng số trường			Tổng số học sinh, sinh viên		
	2001-2002	2005-2006	Tăng %	2001-2002	2005-2006	Tăng %
Tiểu học	13897	14688	5,7	9311010	7317813	- 21,4
THCS	9362	10275	9,8	6253525	6445364	+ 3,0
THPT	1962	2268	15,6	2333069	3029497	+ 29,8
THCN	252	284	12,7	271175	500252	+ 84,5
Cao đẳng	114	151	32,5	210863	299294	+ 41,9
Đại học	77	104	35,1	763256	1087813	+ 42,5

Bảng trên cho thấy, giáo dục tiểu học có số trường tăng thêm 5,7% nhưng tổng số học sinh giảm 21,4%. Giáo dục THPT, cao đẳng, đại học có số học sinh tăng từ 29,8% đến 42,5%; giáo dục THCN số học sinh tăng tới 84,5%. Số trường, lớp, học sinh tăng đòi hỏi phải tăng về số lượng giáo viên, giảng viên các trường sư phạm.

**2. Nhu cầu đào tạo giáo viên cho các trường phổ thông hiện nay**

### 2.1. Giáo dục tiểu học

### 2.2. Giáo dục THCS

Từ năm học 2001 - 2002 đến năm học 2005 - 2006 số học sinh tăng từ 6253525 học sinh lên 6445364 học sinh (tăng 3%), số lớp tăng 9%. Năm 2005-2006 bình quân đạt 1,83 GV/lớp. Theo thông tư liên tịch "Hướng dẫn định mức biên chế ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập" của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ ngày 28/3/2006 thì định mức tỉ lệ giáo dục THCS là 1,9 GV/lớp.

Để đạt tỉ lệ này cả nước cần có 318.261 giáo viên; hiện có 306.067 giáo viên; còn thiếu 12.194 giáo viên. Tính trung bình mỗi năm có khoảng 6.267 nữ giáo viên, 2.611 nam giáo viên THCS nghỉ hưu. Như vậy, ngoài việc hàng năm phải đào tạo 8.878 giáo viên bù vào số nghỉ hưu còn cần đào tạo thêm 12.194 giáo viên để đạt tỉ lệ 1,9 GV/lớp.

**2.3. Giáo dục THPT**

Từ năm 2001 - 2002 đến năm 2005 - 2006, số học sinh THPT tăng từ 2.333.069 học sinh lên 3.029.497 học sinh (tăng 29,8%); số lớp tăng thêm 32,7%; đạt 1,83 GV/lớp. Theo thông tư liên tịch của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, định mức tỉ lệ cho THPT là 2,25 GV/lớp. Để đạt tỉ lệ này, 64.618 lớp cần có 145.390 giáo viên; hiện có 118.327 giáo viên; còn thiếu 27.063 giáo viên.

Mỗi năm trung bình có khoảng 3.370 giáo viên THPT nghỉ hưu. Như vậy, ngoài việc hàng năm phải đào tạo đủ giáo viên để bù vào số nghỉ hưu THPT, còn cần phải đào tạo thêm 27.000 giáo viên để đạt tỉ lệ 2,25 GV/lớp.

Tóm lại để đạt được tỉ lệ định mức giáo viên/lớp theo quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Nội vụ, bù vào số giáo viên nghỉ hưu ở các cấp, trước mắt cả nước còn thiếu khoảng 123.000 giáo viên. Trong đó, tiểu học thiếu 71.700 giáo viên, THCS thiếu 21.000 giáo viên và THPT thiếu 30.300 giáo viên.

**3. Nhu cầu đào tạo giáo viên ở các vùng tính đến 2010**

Để dự báo về nhu cầu đào tạo giáo viên trung học ở các vùng, chúng tôi dựa vào kết quả dự báo số học sinh của Dự án hỗ trợ kĩ thuật "kế hoạch tổng thể bậc trung học" của Ngân hàng phát triển Châu Á, dựa vào định mức giáo viên, vào thực trạng số học sinh, số lớp, số giáo viên của các vùng đầu năm 2006.

**3.1. Dự báo nhu cầu giáo viên THCS ở các vùng đến 2010**

Nhận xét: Theo dự báo đến năm 2010 số lượng HS THCS ở 8 vùng đều giảm so với năm học 2005 - 2006. Nếu quy mô HS/lớp năm 2010 ở các vùng vẫn giữ nguyên như năm 2005 - 2006 thì số lớp THCS sẽ giảm.

- Vùng ĐB Sông Hồng sẽ giảm khoảng 7.900 lớp. Tỉ lệ GV/lớp hiện nay đạt 2,03 GV/lớp. Nếu theo quy định 1,9 GV/lớp thì ở vùng này sẽ dư khoảng 9500 GV.

- Ở các vùng như ĐB Sông Cửu Long, Đông Bắc, Đông Nam Bộ còn thiếu khoảng 10 ngàn đến 14 ngàn giáo viên.

Trong dự báo tính theo tỉ lệ trung bình học sinh/lớp của các vùng. Do đặc điểm địa hình, dân cư, mạng lưới trường, ở nhiều vùng có nhiều lớp dưới 20 học sinh. Nghĩa là số lớp ở các vùng này còn nhiều hơn so với dự báo, do đó số giáo viên thực tế cần nhiều hơn số dự báo.

Tóm lại đến năm 2010 với tỉ lệ 1,9 GV/lớp theo định mức, các vùng đều thiếu giáo viên THCS trừ vùng ĐB Sông Hồng.

Các chỉ số	ĐBS Hồng	Đ.Bắc	T.Bắc	BT.Bộ	NT.Bộ	Tây Nguyên	ĐN Bộ	ĐBSCL
Số HS (2010)	1018268	561302	177033	841968	549608	360156	1014903	1077982
Số HS/lớp	39,9	34,49	31,5	39,0	40,7	39,0	41,5	38,5
Số lớp (2010)	26176	24972	5620	21589	13503	9234	24455	27999
Số GV cần (1,9/lớp)	49734	47446	10678	41019	25655	17544	46464	53198
Số GV hưu (5 năm)	10040	6252	1842	6898	3806	2664	5509	7377
Số GV (2006)	69266	43110	12702	47562	26247	18369	37986	50865
Số GV cần đào tạo	(Dư) 9500	10588	182	355	3214	1839	13987	9710

### 3.2. Dự báo nhu cầu đào tạo GV THPT ở các vùng đến 2010

Các chỉ số	ĐBS Hồng	Đ.Bắc	T.Bắc	BT.Bộ	NT.Bộ	Tây Nguyên	ĐN Bộ	ĐBSCL
Số HS (2010)	631110	467646	73490	505114	291127	157410	536906	510540
Số HS/lớp	49,8	47,1	44,9	48,2	48,2	44,4	45,3	43,4
Số lớp (2010)	12672	9928	1636	10479	6039	3545	11852	11763
Số GV (2,25/lớp)	28512	22339	3681	23577	13587	7976	26667	26466
Số GV hưu (5 năm)	4700	2040	410	2485	1380	955	2270	2610
Số GV hiện có	32649	14178	2900	17720	9725	6776	15894	18485
Số GV cần đào tạo	563	10201	1191	8342	5242	2155	13043	10591

Nhận xét:

- Theo dự báo số lượng học sinh THPT vào 2010 là 3.173.342 học sinh.

- Nếu số HS/lớp ở các vùng vẫn giữ nguyên tỉ lệ như năm học 2005 - 2006, thì năm 2010 sẽ có 67.914 lớp THPT, tăng thêm 3.296 lớp so với năm 2005 - 2006.

- Theo tỉ lệ 2,25 GV/lớp thì số GV THPT cần cho năm học 2010 - 2011 là 152.806 GV, tăng hơn năm học 2005 - 2006 là 34.479 GV.

- Tính trung bình mỗi năm có 1992 giáo viên nữ và 1.378 giáo viên nam nghỉ hưu, sau năm năm sẽ có 16.850 giáo viên nghỉ hưu.

Như vậy từ nay đến 2010 các trường ĐHSP cần đào tạo thêm khoảng 51.300 giáo viên THPT cho các vùng.

#### 4. Các nhiệm vụ mới đặt ra cho các cơ sở sư phạm

Theo báo cáo trong hội nghị các trường sư phạm Việt Nam (Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức tháng 12/2006), tính đến tháng 11 năm 2006 cả nước có 123 cơ sở đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lí, trong đó có 14 trường ĐHSP, 56 trường CĐSP, 7 trường TCSP, 30 trường đại học và 13 trường cao đẳng có khoa sư phạm ở các vùng miền trong cả nước. Để nâng cao chất lượng đào tạo các cơ sở sư phạm không những phải bảo đảm đào tạo đủ về số lượng giáo viên cho các địa phương, mà còn phải đào tạo để nâng cao trình độ giáo viên các cấp từ chưa đạt chuẩn lên đạt chuẩn; từ đạt

chuẩn lên trên chuẩn (một tỉ lệ nhất định giáo viên). Để đạt được mục đích này các cơ sở sư phạm phải tự đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên của mình để có đủ khả năng đào tạo tất cả giáo viên tiểu học có trình độ CĐSP, tất cả giáo viên THCS có trình độ ĐHSP; giáo viên THPT có 30% trình độ thạc sĩ; đội ngũ giảng viên ở các trường cao đẳng, đại học có 60% thạc sĩ, 35% tiến sĩ. Phấn đấu từng bước để đạt được tỉ lệ 20 SV/1 giảng viên.

- Nâng cao chất lượng đào tạo hướng vào mục tiêu học để biết, học để làm, học để tự khẳng định mình, học để làm người. Vì vậy, mọi cố gắng xây dựng mục tiêu chương trình, nội dung, đổi mới cách dạy, cách học... đều hướng tới dạy học sinh cách thức hoạt động học tập để tự chiếm lĩnh tri thức, để họ có khả năng tự học tất cả những gì cần cho cuộc sống, nghề nghiệp sau này.

Muốn dạy học sinh cách học, cách làm, giáo viên phải là những người nắm được các kĩ năng cơ bản, phương pháp dạy học, phương pháp nghiên cứu, biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo trong giảng dạy sao cho phù hợp với đặc điểm đối tượng học sinh của mình.

#### 5. Một vài suy nghĩ về định hướng các giải pháp

##### 5.1. Phân cấp đào tạo

Hiện nay ở các tỉnh thành thuộc các vùng đều có các cơ sở sư phạm đào tạo giáo viên. Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có sự chỉ đạo theo



hướng phân cấp đào tạo đối với các trường sư phạm trung ương và địa phương.

- Các trường sư phạm địa phương cần dựa trên hoàn cảnh cụ thể của tỉnh mình để xác định nhu cầu nguồn nhân lực. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, các yêu cầu địa phương đặt ra đối với giáo dục các cấp, các ngành học để dự báo nhu cầu đào tạo giáo viên mới, đào tạo lại đối với giáo viên tiểu học, THCS, đào tạo sau đại học đối với giáo viên THPT, cán bộ giảng dạy trong trường sư phạm. Trên cơ sở phân tích các điều kiện bảo đảm chất lượng của nhà trường (về đội ngũ, cơ sở vật chất, tài chính,...) để xây dựng kế hoạch đào tạo dài hạn, ngắn hạn cho mình. Chúng tôi cho rằng các trường sư phạm địa phương chủ yếu đảm nhận đào tạo mới và nâng trình độ giáo viên tiểu học lên trình độ CĐSP. Các cơ sở đại học, đào tạo giáo viên THPT, đào tạo lại giáo viên THCS đạt trình độ ĐHSP; đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho các cử nhân tốt nghiệp các ngành khác muốn trở thành giáo viên.

- Các trường ĐHSP, viện nghiên cứu, nơi có đủ đội ngũ cán bộ khoa học được phép đào tạo trình độ sau đại học cho ngành.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thống nhất chương trình khung các môn học cơ bản. Các cơ sở sư phạm lựa chọn xây dựng các giáo trình phần mềm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của địa phương.

### 5.2. Phân hoá trong đào tạo ở các trường sư phạm

- Tuỳ theo yêu cầu giáo viên các bộ môn ở từng tỉnh thành mà các trường sư phạm có kế hoạch tuyển sinh, lựa chọn những học sinh có phẩm chất, năng lực phù hợp với chuyên ngành đào tạo, tuyển theo chỉ tiêu kế hoạch địa phương. Từng bước khắc phục tình trạng thừa, vừa thiếu giáo viên các bộ môn ở địa phương như hiện nay.

- Trong các trường ĐHSP, đặc biệt là các trường trọng điểm, cần có sự phân hoá trong đào tạo. Chúng tôi cho rằng phần lớn sinh viên cần được cung cấp một hệ thống tri thức cơ bản về khoa học chuyên ngành và nghiệp vụ sư phạm để dạy tốt ở các trường phổ thông. Cần chú trọng đào tạo họ trở thành những nhà giáo dục tốt, hơn là những người chỉ biết truyền thụ kiến thức.

- Ở các khoa cần lựa chọn được những sinh viên có phẩm chất, có năng lực tốt để có chế độ đào tạo riêng trong các lớp chọn.

Các sinh viên này sẽ được học theo chương trình nâng cao, chuyên đề tự chọn, được tạo điều kiện nghiên cứu về khoa học chuyên ngành hoặc về nghiệp vụ sư phạm. Các em sẽ được lựa chọn để học sau đại học và sẽ là nguồn kế cận đội ngũ giảng viên trong các trường đại học.

### 5.3. Gắn chặt hơn nữa công tác đào tạo trong trường sư phạm với thực tiễn giáo dục ở các địa phương

Để gắn việc đào tạo sinh viên với việc đổi mới dạy học trong các trường phổ thông ở các địa phương, các trường sư phạm cần có các cơ sở thực nghiệm. Đây là nơi để cán bộ giảng dạy về trực tiếp nghiên cứu, giảng dạy để nắm được các yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, nắm được thực trạng dạy học, phát hiện các vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung cải tiến trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm. Đây cũng là cơ sở để sinh viên thực tập, kiến tập, tìm hiểu các yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm đối với một giáo viên khi đứng lớp.

Chúng tôi cho rằng khi cán bộ giảng dạy các trường sư phạm hiểu rõ thực trạng dạy học ở các trường phổ thông sẽ gợi ra những ý tưởng khoa học trong đổi mới phương pháp dạy học ở trường sư phạm.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thực trạng hệ thống và định hướng phát triển các trường sư phạm đến năm 2020. Trong *Các trường sư phạm Việt Nam, xây dựng và phát triển Hội thảo Quốc gia*, Bộ GD-ĐT, Hà Nội, 12/ 2006.
2. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học "60 năm ngành sư phạm Việt Nam"*, ĐHSP Hà Nội, 10/2006.
3. Dự án hỗ trợ kĩ thuật "*Kế hoạch tổng thể bậc trung học*", Ngân hàng phát triển Châu Á - TA số 3560 - VIE, 2002.
4. *Thống kê giáo dục và đào tạo năm 2005 - 2006*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### SUMMARY

*On the basis of analyzing data on the number of teachers and students at all levels in many areas and regions across the country, the author shows the need for teachers to be trained until 2010. He also proposes three solutions to this problem.*